

3. Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng
I	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo chương V yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện).	- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản. - Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalog của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá là thiết bị điện tử, thiết bị điện lạnh, thiết bị điện nhẹ. Các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh hoạ. - Có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về hàng hóa, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định đối với các loại hàng hóa, thiết bị.	
		Nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung sau: - Nhà thầu không kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhân hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản. - Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại thiết bị điện tử, thiết bị âm thanh, thiết bị điện lạnh, thiết bị điện nhẹ. - Nhà thầu không có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, không cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh họa đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác. - Không có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về hàng hóa, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định đối với các loại hàng hóa, thiết bị.	
2	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế; có cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Đạt
		Không có hoặc thiếu giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý; hoặc không cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Không đạt
3	Thời gian bảo hành, bảo trì sau bảo hành.	- Nhà thầu trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành từ 12 tháng trở lên và theo thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V và theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; bảo trì tối thiểu 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		- Nhà thầu không trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Hoặc - Thời gian bảo hành dưới 12 tháng hoặc dưới thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; hoặc bảo trì dưới 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Không đạt
II	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết về gói thầu và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1	Hiểu biết về dự án và gói thầu: Trình bày được quy mô, phạm vi gói thầu; phân tích, đánh giá vị trí công trình, mặt bằng công trình; giao thông, các điều kiện tự nhiên khu vực của dự án, thuận lợi, khó khăn khi thi công.	Có am hiểu đầy đủ về gói thầu	Đạt
		Không am hiểu về gói thầu hoặc trình bày thiếu hoặc sai nội dung.	Không đạt
1.2	* Trình bày công tác chuẩn bị công trường bao gồm: - Công trình tạm, máy móc, thiết bị thi công, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, giao thông, mặt bằng giải pháp cấp điện trong quá trình thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu; - Khu vực lán trại: Ban chỉ huy công trường, khu vực tập kết vật tư, vật liệu, phòng thí nghiệm ... * Trình bày hệ thống sơ đồ tổ chức của nhà thầu: Các bộ	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, vật tư, thiết bị an toàn, an ninh, môi trường		
1.3	Trình bày biện pháp thi công tổng thể của gói thầu: Trình bày đầy đủ quy trình và giải pháp thi công các hạng mục chính phù hợp với tính chất của gói thầu Kèm bản vẽ bố trí mặt bằng tổ chức thi công hợp lý khả thi thể hiện các nội dung sau: - Hướng thi công công và hướng di chuyển máy móc thiết bị thi công - Có bản vẽ phân đoạn thi công chính như: Đào đất; Thi công cọc; Lắp dựng giàn giáo, ván khuôn (móng, dầm, sàn); Lắp dựng cốt thép (móng, dầm, sàn); Đổ bê tông (móng, dầm, sàn) của kết cấu nhà xây mới;	Trình bày và có bản vẽ đầy đủ, chi tiết các nội dung theo yêu cầu	Đạt
		Không có hoặc thiếu	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	* Thuyết minh và bản vẽ biện thể hiện các biện pháp công tác phá dỡ các hạng mục cũ. * Thi công hạng mục nhà xây mới: Nhà lớp học kết hợp bộ môn, nhà đa năng nêu đầy đủ các nội dung sau: - Thuyết minh và bản vẽ biện thể hiện các biện pháp công tác thi công, lắp dựng cấu kiện theo trình tự hợp lý theo đúng chỉ dẫn HSTK (kết cấu, hoàn thiện, điện, nước, chống mối.)	Có giải pháp thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, khả thi theo yêu cầu theo yêu cầu tại hoặc có	Đạt
		Không có giải pháp thuyết minh và bản vẽ hoặc trình bày không đầy đủ theo yêu cầu hoặc mức độ thiếu nội dung chính hoặc sai sót nghiêm trọng, không hợp lý.	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	- Tiêu chuẩn áp dụng thi công của các công tác thi công; thiết bị bố trí cho công tác.		
2.2	* Thi công các hạng mục phụ trợ: Nhà để xe, bể nước, nhà trạm bơm, điện, nước tổng thể, Sân đường, cổng, tường rào nêu đầy đủ các nội dung sau: - Thuyết minh và bản vẽ biện thể hiện biện pháp các công tác: thi công kết cấu và hoàn thiện các hạng mục - Tiêu chuẩn áp dụng thi công của các công tác thi công; thiết bị bố trí cho công tác.	Có giải pháp thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, khả thi theo yêu cầu theo yêu cầu tại hoặc có	Đạt
		Không có giải pháp thuyết minh và bản vẽ hoặc trình bày không đầy đủ theo yêu cầu hoặc mức độ thiếu nội dung chính hoặc sai sót nghiêm trọng, không hợp lý.	Không đạt
2.3	* Thi công các hạng mục PCCC nêu đầy đủ các nội dung sau: - Thuyết minh và bản vẽ biện thể hiện biện pháp các công tác: thi công hệ thống và lắp đặt thiết bị. - Tiêu chuẩn áp dụng thi công của các công tác thi công; thiết bị bố trí cho công tác.	Có giải pháp thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, khả thi theo yêu cầu theo yêu cầu tại hoặc có	Đạt
		Không có giải pháp thuyết minh và bản vẽ hoặc trình bày không đầy đủ theo yêu cầu hoặc mức độ thiếu nội dung chính hoặc sai sót nghiêm trọng, không hợp lý.	Không đạt
3	Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	- Có danh mục kê khai rõ về nguồn gốc, nhãn hiệu hoặc nhóm nhãn hiệu các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại; chủng loại đáp ứng hồ sơ thiết kế: Xi măng các loại; Đá xây dựng các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch các loại; Vật tư	Có kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực.	Đạt
		Không kê khai rõ hoặc kê khai thiếu nguồn gốc, nhãn hiệu hoặc nhóm nhãn hiệu rõ ràng; hoặc không có Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực;	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	thiết bị điện; vật tư thiết bị cấp thoát nước; vật liệu chống thấm; Sơn các loại; - Đối với thiết bị PCCC phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất. Catalogue có thông số phù hợp với thông số kỹ thuật mời thầu (theo yêu cầu tại Chương V).		
3.2	Nhà thầu có cam kết cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, kèm theo Hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp, pháp lý nhà cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Xi măng các loại; Đá xây dựng các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch các loại; Vật tư thiết bị điện; vật tư thiết bị cấp thoát nước; vật liệu chống thấm; Sơn các loại; thiết bị PCCC	+ Trong trường hợp Nhà thầu là đơn vị cung cấp vật liệu: Cung cấp Hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất với tư cách là đơn vị bán hàng với đầy đủ các chủng loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT từ năm 2024 trở lại đây. + Trong trường hợp Nhà thầu là nhà sản xuất: Cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất các chủng loại vật tư, vật liệu theo quy định. + Trong trường hợp nhà thầu không phải là đơn vị trực tiếp cung cấp vật tư, vật liệu thì phải có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của các nhà cung cấp (kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị)	Đạt
		Không có đầy đủ các tài liệu chứng minh khả năng cung cấp các loại vật tư theo yêu cầu trên.	Không đạt
II	Tiến độ thi công		
1	Thời gian hoàn thành công trình không quá 300 ngày , có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 300 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công.	bị thi công	
		Đề xuất thời gian thi công vượt quá 300 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Không đạt
2	* Biểu đồ tiến độ thi công bao gồm: + Thời gian thi công: tối đa 300 ngày + Bảng chia tiến độ thi công đầy đủ các hạng mục gói thầu và các công việc chủ yếu của thuộc hạng mục. + Trình tự thi công các hạng mục phù hợp với kế hoạch thi công của nhà thầu. Thể hiện được sự logic và mối liên hệ giữa các hạng mục. + Mỗi công việc phải thể hiện được tổng số ngày thi công và số lượng nhân công trung bình. * Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị phù hợp với tiến độ thi công.	Có đầy đủ các nội dung hợp lý theo yêu cầu	Đạt
		Có ít nhất 01 nội dung ở trên không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu ít nhất 01 nội dung.	Không đạt
3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ.	Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi	Đạt
		Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không khả thi	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
4	Công nhân trực tiếp tham gia thi công: Có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công	Có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công.	Đạt
		Không có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công.	Không đạt
III	Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường		
1	Tổ chức quản lý dự án của nhà thầu đối với gói thầu gồm: Quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc; Khối lượng công việc; Chất lượng xây dựng; Tiến độ thực hiện; An toàn trong thi công xây dựng; Bảo vệ môi trường trong xây dựng; Chi phí xây dựng; quản lý hệ thống thông tin công trình	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
2	Tổ chức quản lý hiện trường gồm: Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình; Quản lý lao động trên công trường xây dựng, bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường; Quản lý chất lượng thi công; Quản lý tiến độ thi công.	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
IV	Các biện pháp đảm bảo chất lượng		
1	Lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công	Có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2	Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị, công nghệ thi công trước và trong quá trình thi công theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
3	Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho từng công tác thi công chính của gói thầu	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
4	Biện pháp, quy trình quản lý chất lượng thi công: chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu; lập phiếu yêu cầu nghiệm thu, nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; lập bản vẽ hoàn công	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
V	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông		
1	Bảo vệ môi trường: Các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế và giảm thiểu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công.	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
2	Phòng chống cháy nổ: Các giải pháp cụ thể cho từng công việc xây lắp, khu vực để vật tư, thiết bị	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có hoặc nêu không đầy đủ giải pháp cụ thể	Không đạt
3	An toàn lao động, an toàn về điện: lập kế hoạch tổng hợp về an toàn theo yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về xây lắp	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có hoặc nêu không đầy đủ giải pháp cụ thể	Không đạt
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành		
1	Có cam kết bằng văn bản và đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng	Có giải pháp cụ thể, thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu; có cam kết bằng văn bản	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước (bảo hành ít nhất trong 12 tháng).		
		Không có giải pháp cụ thể hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng hoặc không có cam kết bằng văn bản hoặc cam kết không đúng.	Không đạt
VII	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu		
1	Uy tín của nhà thầu trong vòng 05 năm trở lại đây (tính từ năm 2022): Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này) Nhà thầu phải có văn bản cam kết với chủ đầu tư về nội dung này.	Nhà thầu có cam kết đúng sự thật không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐCP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này	Đạt
		Nhà thầu không có đầy đủ cam kết hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ -CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính